

Phụ lục số 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL**
NĂM 2018

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600961762**
- Vốn điều lệ: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số 9, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: **0251.3836148**
- Số fax: **0251.3836505**
- Website: **www.vicasasteel.com; www.thepbienhoa.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **VCA**

Quá trình hình thành và phát triển

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/05/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2016.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/08/2018.

* Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2019.

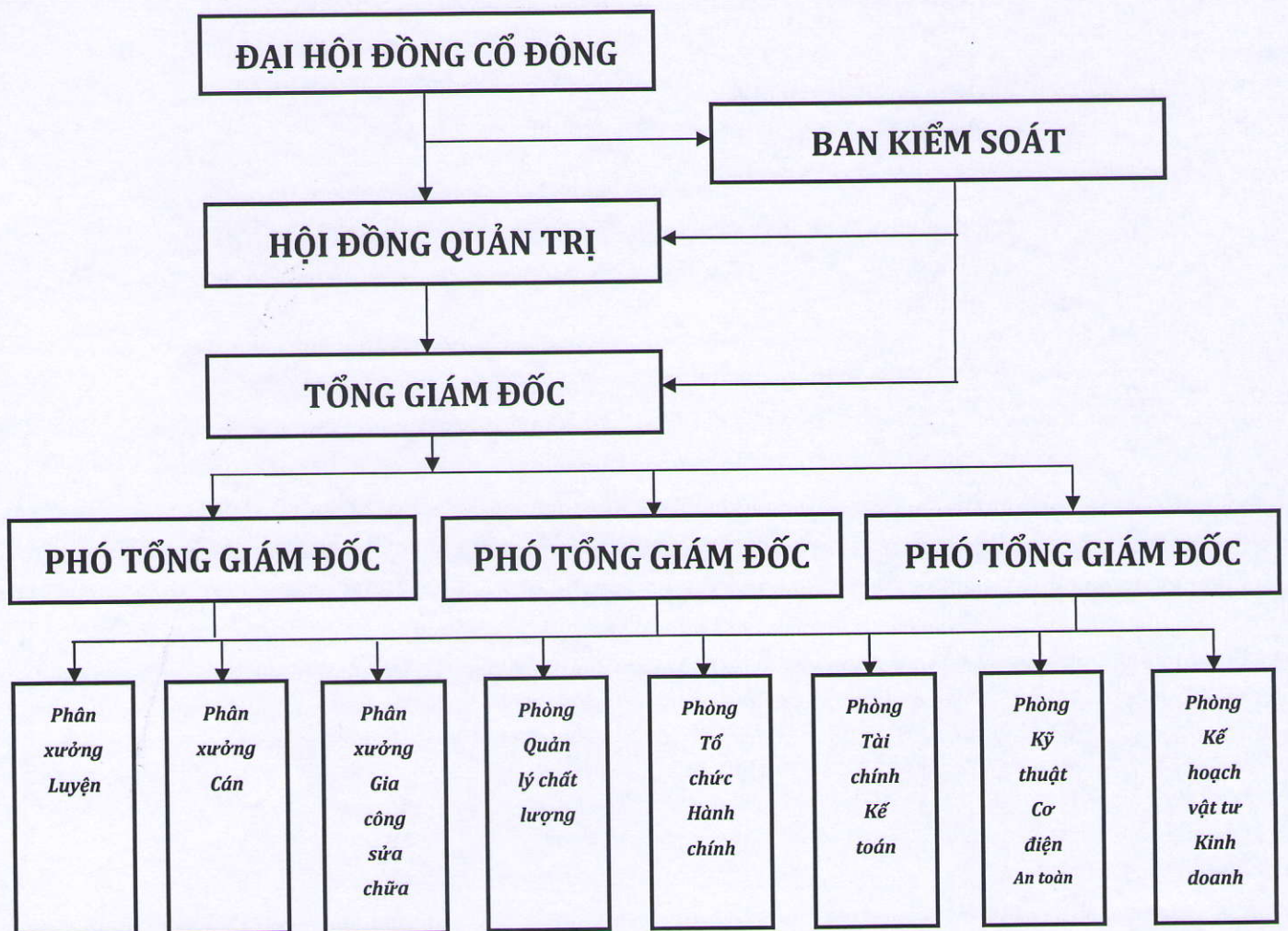
Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán (VCA) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 15/11/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** + Sản phẩm thép cán
+ Sản phẩm phôi thép
- **Địa bàn kinh doanh:** + Thành phố Hồ Chí Minh
+ Bà Rịa - Vũng Tàu
+ Nha Trang
+ Cần Thơ

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**



- **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:** Theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:

- + Đại hội đồng Cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;

- + Các phòng Chuyên môn;
- + Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên không chuyên trách và 01 thành viên độc lập.

- + Ông Lê Văn Cam - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- + Ông Nguyễn Xuân Tiến - Thành viên;
Ông Nguyễn Xuân Tiến miễn nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2019.
- + Ông Nguyễn Đông Vững - Thành viên;
- + Ông Võ Hựu - Thành viên;
- + Ông Nguyễn Bảo Giang - Thành viên.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

- + Ông Nguyễn Phước Hải - Trưởng ban kiểm soát;
- + Ông Lê Trọng Dung - Thành viên;
- + Ông Hồ Duy Khải - Thành viên.

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 02 phó Tổng Giám đốc:

- + Ông Nguyễn Xuân Tiến - Tổng giám Đốc;
Ông Nguyễn Xuân Tiến miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2019
- + Ông Huỳnh Công Du - Tổng giám Đốc;
Ông Huỳnh Công Du bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2019
- + Ông Vương Thanh Đường - Phó Tổng Giám đốc;
- + Ông Nguyễn Đông Vững - Phó Tổng Giám đốc.

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: gồm 05 phòng và 03 phân xưởng.

- + Phòng Tổ chức Hành chính: - Ông Vũ Hồng Khanh: Trưởng phòng;
- + Phòng Tài chính Kế toán - Ông Nguyễn Thanh Hùng: Trưởng phòng;
- + Phòng Kế hoạch Vật tư Kinh doanh - Ông Phạm Xuân Phong: Trưởng phòng;
- + Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn - Ông Nguyễn Quyết Chiến: Trưởng phòng;
- + Phòng Quản lý Chất lượng - Bà Nguyễn Thị Hải Đường: Trưởng phòng;
- + Phân xưởng Luyện - Ông Ngô Tiến Thọ: Quản đốc;
- + Phân xưởng Cán - Ông Lê Trọng Dung: Quản đốc;
- + Phân xưởng Gia công Sửa chữa - Ông Trần Ngọc Quân: Quản đốc.

- **Các công ty con, công ty liên kết:**

Không có Công ty con, không có Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

- **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2018:**

+ Kế hoạch sản xuất:

- Sản lượng: Sản lượng phôi thép: 180.000 tấn.
Sản lượng thép cán: 150.000 tấn.

+ Doanh thu: 2.253.925 triệu đồng.

+ Kế hoạch tiêu thụ: 150.000 tấn sản phẩm thép cán.

+ Lợi nhuận trước thuế: 50.000 triệu đồng.

+ Cổ tức: 20 %

- **Công tác môi trường:**

+ Hệ thống làm mát khí thải sau khi đầu tư sửa chữa đã phát huy hiệu quả tốt, không gây khói bụi ra môi trường xung quanh.

+ Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.

+ Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý

- Công tác tổ chức lao động, tiền lương và đời sống:

+ Thực hiện việc trả lương cho Người lao động và quản lý theo đúng quy chế phân phối tiền lương của Công ty và các chế độ khác của Người lao động theo đúng qui định và các chế độ hiện hành.

+ Lao động bình quân trong năm 2018 là 449 người (trong đó có 29 nữ).

+ Thu nhập bình quân của người lao động là 18.683.000 đồng/người/tháng (Năm 2017 là 16.388.000 đồng/người/tháng).

+ Chu cấp chi phí và phương tiện cho người lao động đi nghỉ mát hàng năm.

+ Tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ 449 người và khám bệnh nghề nghiệp cho 143 người lao động.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn lao động:

+ Duy trì thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ vững an ninh chính trị trật tự trong Công ty.

+ Công tác huấn luyện định kỳ được thực hiện nghiêm túc từ đầu năm và tổ chức huấn luyện cho 428 công nhân, mở 07 lớp huấn luyện an toàn cho các công nhân vận hành thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, mở 01 lớp huấn luyện công tác an toàn cho cán bộ quản lý.

+ Trang bị và sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động theo đúng yêu cầu ngành nghề, rà soát, bổ sung các quy định an toàn, nội qui trong công tác BHLĐ. Trong năm có 05 vụ tai nạn lao động, trong đó tai nạn nhẹ: 03 vụ, tai nạn nặng: 02 vụ. Tổng số người bị tai nạn lao động: 05 người. Tổng chi phí cho tai nạn lao động 165,678 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu do người lao động chưa chấp hành đúng qui trình, qui định an toàn lao động.

+ Duy trì nề nếp công tác kiểm tra an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, tổ chức đội chuyên trách phòng chống ngập và công tác PCCN. Quan tâm tốt đến vệ sinh đường giao thông nội bộ, mặt bằng sản xuất, chăm sóc, trồng thêm cây xanh cải tạo môi trường làm việc.

+ Tổ chức thực hiện và duy trì công tác 5S tại các đơn vị sản xuất và Phòng ban trong Công ty, định kỳ kiểm tra và đánh giá hoạt động này

- Công tác Tài chính – Kế toán:

+ Thực hiện đúng các chế độ, quy định về tài chính của Nhà Nước và quy chế tài chính của Công ty cổ phần.

+ Bảo đảm các thời hạn khai báo thuế và nộp thuế đầy đủ. Công bố thông tin chính xác, đúng hạn theo yêu cầu với công ty đại chúng.

+ Phân tích chi tiết chi phí sản xuất kịp thời.

+ Đáp ứng đủ vốn và kịp thời cho sản xuất kinh doanh với mức chi phí tài chính hợp lý.

+ Đáp ứng đầy đủ công tác kiểm tra tài chính định kỳ của Tổng Công ty và công tác kiểm toán hàng năm, bảo đảm đúng các chế độ thống kê, luân chuyển, lưu trữ chứng từ.

- Công tác kỹ thuật và Công nghệ:

+ Thiết bị lò 20 tấn và lò tinh luyện hoạt động ổn định. Chất lượng sản phẩm đạt ở mức cao. Trong năm tập trung sản xuất các mác thép cacbon thông thường và hạn chế sản xuất các mác thép hợp kim thấp độ bền cao. Tuy nhiên thiết bị lò có nhiều hạn chế, mặt bằng công nghệ không thật sự thuận lợi nên khó hợp lý hóa sản xuất để giảm các chỉ tiêu kỹ thuật.

+ Thiết bị cán hoạt động tương đối ổn định, công nghệ cán ngày càng được hoàn thiện cho phép khả năng nâng công suất cán, chất lượng sản phẩm đạt mức tối đa và giảm chi phí sản xuất. Cũng như Luyện thép, mặt bằng chật hẹp và công nghệ cũ cũng đang là cản trở lớn đến khả năng cạnh tranh của đơn vị.

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2018

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Sản lượng thép phôi đạt 206.091 tấn bằng 114,50% kế hoạch năm (206.091/180.000 tấn), tăng hơn 20,14% so với năm 2017.

+ Sản lượng thép cán đạt 179.103 tấn bằng 119,40% kế hoạch năm (179.103/150.000 tấn), tăng hơn 22,55% so với năm 2017.

+ Sản lượng sản xuất của Công ty tăng do thị trường tiêu thụ tương đối ổn định, lượng sản xuất thép phôi bình quân trên 17.174 tấn/tháng và thép cán trên 14.925 tấn/tháng. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm đạt hiệu quả tốt là do sử dụng tối đa công suất thiết bị, sản lượng sản xuất phôi thép và thép cán đạt trên 90% công suất thiết bị.

+ Sản phẩm tiêu thụ đạt 170.013 tấn, bằng 113,34% kế hoạch năm (170.013/150.000 tấn). Trong đó thép cuộn tiêu thụ được 81.450 tấn chiếm tỉ lệ 47,91% và thép thanh tiêu thụ được 87.138 tấn chiếm tỉ lệ 51,25%. Thép cán tiêu thụ năm 2018 vượt 17,54% so với năm 2017.

+ Hiện nay công tác tiêu thụ thực hiện theo Quy định quản lý giám sát hoạt động và tiêu thụ sản phẩm thép của Tổng Công ty đã từng bước đi vào ổn định và phát huy hiệu quả. Đã có gắn kết và đồng bộ nhất định giữa các Công ty cổ phần và Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL trong việc lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cũng như trong việc xây dựng giá bán thép.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

+ Sản xuất:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Thực hiện 2017	Tỷ lệ % 2018 (TH/KH)	Tỷ lệ % (2018/2017)
Thép Luyện	Tấn	180.000	206.091	171.548	114,50%	120,14%
Thép Cán	Tấn	150.000	179.103	146.148	119,40%	122,55%

+ Kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	Thực hiện 2017	Tỷ lệ % 2018 (TH/KH)	Tỷ lệ % (2018/2017)
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	150.000	170.013	144.649	113,34%	117,54%
Doanh thu	Tỷ đồng	2.328	2.512	1.894	107,90%	132,62%
Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	50,000	40,142	84,132	80,28%	47,71%

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

2.1 Ông Nguyễn Xuân Tiến: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.278.125 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: Không, cổ phiếu được ủy quyền 2.278.125 cổ phiếu.

** Ông Nguyễn Xuân Tiến miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2019 và chấm dứt ủy quyền làm đại diện phần vốn Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL từ ngày 01/01/2019.*

2.2 Ông Huỳnh Công Du: Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim; Cử nhân kinh tế.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.278.125 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: Không, cổ phiếu được ủy quyền 2.278.125 cổ phiếu.

** Ông Huỳnh Công Du bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc từ ngày 01/01/2019 và ủy quyền làm đại diện phần vốn Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL từ ngày 01/01/2019.*

2.3 Ông Vương Thanh Đường: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.587 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 2.587 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 0 cổ phiếu.

2.4 Ông Nguyễn Đông Vững: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.518.750 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: Không, cổ phiếu được ủy quyền 1.518.750 cổ phiếu.

2.5 Ông Nguyễn Thanh Hùng: Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.958 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 1.958 cổ phiếu.

- Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty có đến 31/12/2018 là: 450 người.

3. Tình hình sửa chữa lớn và đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản sửa chữa lớn và đầu tư lớn:

- Sửa chữa lớn tổng cộng 07 hạng mục, trong đó đã đưa vào sử dụng, quyết toán xong 05 hạng mục với giá trị 1,978 tỷ đồng; 02 hạng mục với giá trị 0,550 tỷ đồng chưa thực hiện.

DVT: Triệu đồng

Stt	Hạng mục	KH SCL được phê duyệt (Chưa VAT)	Quyết toán (chưa có VAT)	Quyết toán (Có VAT)
A	B	1	2	3
1	Sửa chữa tấm đan, vét mương nước Công ty	200	181	198
2	Cống thoát nước thải sinh hoạt D300	200	Chưa thực hiện	
3	Chống dột nhà xưởng	680	670	737
4	Đường nội bộ Công ty	350	Chưa thực hiện	
5	Sửa chữa mặt bằng công nghệ PX luyện	300	295	325
6	Móng sàn nguội thoi 3	520	520	571
7	Móng lò gia nhiệt 2 và con lăn	150	133	147
	Tổng cộng	2.400	1.799	1.978

- Mua sắm TSCĐ và đầu tư XD/CB 15 hạng mục với tổng chi phí được phê duyệt 57 tỷ đồng:

DVT: Triệu đồng

Stt	Hạng mục	Tổng mức đầu tư được phê duyệt	Tổng CP phát sinh (chưa VAT)	Giá trị quyết toán (có VAT)	Tăng TSCĐ
A	B	1	2	3	4
1	Xe tải ben Hyundai 25T 60N 5913		245	269	245
2	Xe đầu kéo Hyundai 38C 02596		170	187	170
3	Máy đóng bó thép thanh REBM-800	1.600	1.400	1.540	1.400
4	Máy tiện CNC	4.000	3.577	3.935	3.577
5	Cán thô hàng dọc	40.000	4.073		
6	Động cơ DC 375KW	700	395	435	395
7	Hệ thống DCS các thiết bị cán Simac	1.500			
8	Hệ thống phần mềm quản lý ROXY	1.000			
9	HT trung tâm thu nhập dữ liệu, giám sát và điều khiển từ xa (SCADA) 110KV	2.200	1.271	1.398	1.271
10	Giá cán block mill	2.000			
11	Động cơ 700 HP trạm Oxy 800m ³ /h	1.500	791	791	791
12	Máy phay trục cán CNC	1.500	1.300	1.430	1.300
13	Máy nén khí King Power KPC75		387	426	387
14	Kho thép thành phẩm (Kho C)	1.000	937	1.031	937
15	HT vận chuyển và đóng bó thép cuộn		286		
	Tổng cộng	57.000	14.832	11.442	10.473

+ Đã đưa vào sử dụng 10 hạng mục và quyết toán xong với giá trị 10,473 tỷ đồng.

+ Dự án cán thô hàng dọc với mức đầu tư được phê duyệt là 40 tỷ đồng đang triển khai bao gồm: Hệ thống thiết bị cơ máy cán, hệ thống điện điều khiển máy cán và máy cắt K6, máy biến áp dầu 3 pha, nhân công và máy thi công móng thiết bị. Công trình dự kiến hoàn thành trong quý 1/2019.

+ 04 hạng mục đang triển khai là: Hệ thống DCS các thiết bị cán Simac, hệ thống phần mềm quản lý Roxy, giá cán block mill, hệ thống vận chuyển và đóng bó thép cuộn.

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có Công ty con và Công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT: Việt Nam Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm (2018/2017)
Tổng giá trị tài sản	611.006.379.448	425.424.505.473	+43,62%
Doanh thu thuần	2.512.157.974.249	1.894.196.501.993	+32,62%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.930.978.037	81.385.014.912	-49,71%
Lợi nhuận khác	(788.499.027)	2.747.617.636	-128,70%
Lợi nhuận trước thuế	40.142.479.010	84.132.632.548	-52,29%
Lợi nhuận sau thuế	32.097.073.408	66.743.578.891	-51,91%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017	Năm 2018
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	13,83%	21,00%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	86,17%	79,00%
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	59,11%	36,59%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	40,89%	63,41%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,46	1,28
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,46	2,16
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,28%	3,52%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	5,25%	15,69%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12,85%	24,74%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	2.113	4.395

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**a. Cổ phần:**

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 15.187.322 cổ phần phổ thông. Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 15.187.322 CP.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là: Không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

➤ **Cổ đông trong nước: 15.182.260 CP Tỷ lệ: 99,97 %**

GT
HÀ
EP
VNS

- *Cổ đông Nhà nước:* 9.871.875 CP Tỷ lệ: 65,00 %
- *Cổ đông tổ chức:* 2.108.948 CP Tỷ lệ: 13,89 %
- *Cổ đông cá nhân:* 3.201.437 CP Tỷ lệ: 21,08 %
- *Cổ đông nước ngoài:* 5.062 CP Tỷ lệ: 0,03 %

c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có tăng vốn chủ sở hữu.

d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Trong năm 2018 Công ty không có cổ phiếu quỹ

e. *Các chứng khoán khác:* Trong năm 2018 không có chứng khoán khác

5. Báo cáo tác động đến môi trường:

- Hệ thống làm mát khí thải sau khi đầu tư sửa chữa đã phát huy hiệu quả tốt, không gây khói bụi ra môi trường xung quanh.

- Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.

- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Khó khăn

- *Thị trường thép thế giới:* Thị trường thép thế giới biến động khó lường, Quý III năm 2018, thị trường thép thế giới diễn biến khác nhau tùy theo khu vực. Tại thị trường Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc giá diễn biến ổn định, giao động không đáng kể. Trong đó tại khu vực CIS, Thổ Nhĩ Kỳ, khu vực Trung Đông và các nước Đông Nam Á, giá dao động giảm dần với mảng thành phẩm và phôi thép. Nhu cầu thành phẩm yếu cũng như tác động từ bất đồng thương mại Mỹ với các nước khác, vấn đề tỷ giá... khiến cho thị trường không còn sôi nổi, thay vào đó người tham gia thị trường thận trọng và chờ đợi, cố gắng giữ giá ổn định, không để tình trạng tăng hoặc giảm đột biến. Than luyện kim tăng do nguồn cung thắt chặt. Giá quặng sắt dao động thất thường.

- *Thị trường thép trong nước:* Thị trường thép trong nước vẫn khó khăn giá nguyên liệu đầu vào tăng trong khi giá thép bán ra giảm. Giá phôi thép giảm mạnh do bị chi phối bởi giá bán thấp của Formosa. Sự gia tăng quản lý của cơ quan Nhà nước trong việc nhập khẩu sắt phế liệu làm cho nguồn cung hạn chế. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong cơ chế thị trường gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh gay gắt hơn. Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán của các nhà sản xuất thép trong nước (nhiều nhà cung cấp đưa sản phẩm ra thị trường với giá thấp để chiếm thị phần), đặc biệt là các đơn vị sản xuất thép từ quặng và sản xuất thép từ lò trung tần với chi phí sản xuất thấp đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giá của một số vật tư nguyên liệu chủ yếu như thép vụn, điện cực và hợp kim luôn biến động gây nhiều khó khăn trong công tác thu mua và dự trữ hàng tồn kho.

- Sự cạnh tranh quyết liệt về giá bán thành phẩm của các nhà sản xuất thép trong nước (tăng giảm giá bán không đồng bộ giữa các nhà sản xuất phía Nam) từ đầu năm đến

nay làm cho giá bán thép thành phẩm của Công ty cũng không được ổn định, ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty.

1.2. Thuận lợi

- Thị trường xây dựng trong nước tăng trưởng nhờ vào vốn FDI tiếp tục tăng mạnh, nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng tăng trưởng mạnh trong năm 2018. Tăng trưởng kinh tế ổn định, tốc độ đô thị hóa gia tăng. Lượng tiêu thụ trong năm 2018 tuy không có những đột biến tăng hay giảm mạnh như trong năm 2017, nhưng lại diễn ra tương đối ổn định với mức tiêu thụ bình quân của các quý đều gần như tương tự như nhau. Và nếu có khác biệt về sản lượng tiêu thụ giữa các Quý thì cũng chỉ dao động ở mức khoảng 10-15% và điều này giúp cho công tác sản xuất và đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường gặp nhiều thuận lợi. Bên cạnh đó, thị trường xây dựng tại Campuchia phát triển mạnh nên lượng xuất khẩu sang thị trường này tăng mạnh góp phần vào kết quả chung của thép /V/.

- Bộ máy tổ chức của Công ty luôn được củng cố và kiện toàn, CBCNV Công ty có truyền thống đoàn kết khắc phục khó khăn thực hiện tốt nhiệm vụ. Thiết bị công nghệ từng bước được đầu tư nâng cấp, trình độ tay nghề của đội ngũ CBCNV luôn được phát huy tốt đã sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao, được thị trường ngày càng tin dùng, góp sức cùng Tổng Công ty nâng cao uy tín thương hiệu thép /V/, Thép Miền Nam.

- Công ty đã nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời về nhiều mặt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như những hỗ trợ của các phòng ban chức năng của Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018: Lợi nhuận sau thuế đạt **32,097 tỷ đồng**.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

Về tình hình tài sản tính đến cuối năm 2018 tăng 185,582 tỷ đồng tức tăng 43,62 % so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn tăng 190,445 tỷ đồng (tăng 56,67 %), tài sản dài hạn giảm 4,863 tỷ đồng (giảm 5,44%). Tổng tài sản cuối năm 2018 tăng so với đầu năm 2018.

Tài sản ngắn hạn cuối năm 2018 tăng nhiều so với cuối năm 2017. Trong đó hàng tồn kho cuối năm 2018 tăng so với cuối năm 2017 là 221,639 tỷ đồng (tăng 161,29 %).

Tài sản ngắn hạn chiếm tỉ trọng lớn hơn tài sản dài hạn trên tổng tài sản so với cùng kỳ. Tương tự nợ phải trả chiếm tỉ trọng lớn hơn nguồn vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn so với cùng kỳ. Nguyên nhân do hàng tồn kho tăng cao so với cùng kỳ, công ty phải gia tăng khoản vay ngắn hạn ngân hàng để bù đắp, do vậy số dư nợ phải trả tăng cao.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Về tình hình nợ phải trả cuối năm 2018 là 361 tỷ đồng tăng so với đầu kỳ là 156 tỷ đồng, tăng 205 tỷ đồng (tăng 132%) chủ yếu là khoản vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm 2018 tăng so với đầu năm (tăng 228 tỷ đồng).

Nguồn vay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo cho việc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả.

Về đóng góp ngân sách: Trong năm 2018 Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước là 35,559 tỷ đồng.

3. Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:

- Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.
- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị. Quy hoạch các bãi bê tông chứa thép vụn, tiếp nhận trên 245.000 tấn thép vụn và gang. Vì vậy, có đủ điều kiện để chế biến liệu cho sản xuất thép luyện và đảm bảo lượng liệu tồn đến cuối tháng 12/2018 là 7.200 tấn.
- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được, hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.
- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, các công việc điều hành quản lý của Ban Tổng Giám Đốc, phối hợp với ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu sau:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị đề ra. Đặc biệt thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám Đốc, Đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.
- Công ty đã chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty, quy chế quản lý tài chính và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước.

Năm 2018 là năm tương đối khó khăn đối với Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL, với sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV Công ty, cùng với sự giúp đỡ và chỉ đạo kịp thời, toàn diện về nhiều mặt của lãnh đạo Tổng Công ty Thép Việt Nam, kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty vẫn giữ ở mức ổn định các sản phẩm chủ lực cả về sản xuất lẫn tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng đầy đủ và kịp thời các chủng loại sản phẩm, theo chuyên môn hóa của Tổng Công ty, ổn định được thu nhập và đời sống cho CBCNV.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Lê Văn Cam)	3.796.875	25 %	Chủ tịch HĐQT (Thành viên chuyên trách)

02	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Xuân Tiến) * Chấm dứt ủy quyền làm đại diện phần vốn Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL từ ngày 01/01/2019	2.278.125	15 %	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Thành viên Ban điều hành Công ty)
02	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Huỳnh Công Du) * Ủy quyền làm đại diện phần vốn Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP tại Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL từ ngày 01/01/2019	2.278.125	15 %	Tổng Giám đốc (Thành viên Ban điều hành Công ty)
03	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Võ Hựu)	2.278.125	15 %	Thành viên HĐQT (Thành viên chuyên trách)
04	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Đông Vững)	1.518.750	10 %	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (Ban điều hành Công ty)
05	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng (Đại diện: Ông Nguyễn Bảo Giang)	1.084.629	7,14 %	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành công ty)

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp hàng quý trong năm. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách là quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
01	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT	5	5/5
02	Nguyễn Xuân Tiến	Ủy viên HĐQT	5	5/5
03	Nguyễn Bảo Giang	Ủy viên HĐQT	5	4/5
04	Võ Hựu	Ủy viên HĐQT	5	5/5
05	Nguyễn Đông Vững	Ủy viên HĐQT	5	5/5

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

Stt	Số	Ngày	Nội dung																																																																																																
01	10/NQ-HĐQT-VCA	08/03/2018	<p>Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 1/2018:</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí với các đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, Báo cáo tài chính, Báo cáo của Ban kiểm soát quý IV/2017 và năm 2017. Các chỉ tiêu chính đạt được Quý 4/2017 và năm 2017 như sau:</p> <p>Quý 4 năm 2017:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>TH quý 4 năm 2017</th> <th>TH quý 4 năm 2016</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sản lượng sản xuất:</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Phôi thép</td> <td>Tấn</td> <td>51.742</td> <td>38.891</td> </tr> <tr> <td>- Thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>37.896</td> <td>33.007</td> </tr> <tr> <td>Oxy</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Thổi lò</td> <td>M3</td> <td>1.137.225</td> <td>602.652</td> </tr> <tr> <td>- Nạp chai</td> <td>Chai</td> <td>54.112</td> <td>6 .092</td> </tr> <tr> <td>Sản lượng tiêu thụ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Phôi thép bán ngoài</td> <td>Tấn</td> <td>11.815</td> <td>4.251</td> </tr> <tr> <td>- Thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>0.175</td> <td>32.655</td> </tr> <tr> <td>Oxy</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Thổi lò</td> <td>M3</td> <td>1.137.225</td> <td>602.652</td> </tr> <tr> <td>- Nạp chai</td> <td>Chai</td> <td>54.112</td> <td>60.0 2</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Trđ</td> <td>28.453</td> <td>5.990</td> </tr> </tbody> </table> <p>Năm 2017:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch 2017</th> <th>Thực hiện 2017</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Sản xuất:</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>a. Phôi thép:</td> <td>Tấn</td> <td>160.000</td> <td>171.548</td> </tr> <tr> <td>b. Thép cán:</td> <td>Tấn</td> <td>140.000</td> <td>146.148</td> </tr> <tr> <td>2. Tiêu thụ sản phẩm:</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>a. Tiêu thụ thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>140.000</td> <td>144.649</td> </tr> <tr> <td>b. Tiêu thụ phôi thép</td> <td>Tấn</td> <td>14.500</td> <td>21.016</td> </tr> <tr> <td>3. Doanh thu:</td> <td>Tr.đ</td> <td>1.420.300</td> <td>1.894.197</td> </tr> <tr> <td>4. Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tr.đ</td> <td>33.000</td> <td>81.039</td> </tr> <tr> <td>5. Lợi nhuận sau thuế</td> <td>Tr.đ</td> <td>26.400</td> <td>64.569</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Đvt	TH quý 4 năm 2017	TH quý 4 năm 2016	Sản lượng sản xuất:				- Phôi thép	Tấn	51.742	38.891	- Thép cán	Tấn	37.896	33.007	Oxy				- Thổi lò	M3	1.137.225	602.652	- Nạp chai	Chai	54.112	6 .092	Sản lượng tiêu thụ				- Phôi thép bán ngoài	Tấn	11.815	4.251	- Thép cán	Tấn	0.175	32.655	Oxy				- Thổi lò	M3	1.137.225	602.652	- Nạp chai	Chai	54.112	60.0 2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	28.453	5.990	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	1. Sản xuất:				a. Phôi thép:	Tấn	160.000	171.548	b. Thép cán:	Tấn	140.000	146.148	2. Tiêu thụ sản phẩm:				a. Tiêu thụ thép cán	Tấn	140.000	144.649	b. Tiêu thụ phôi thép	Tấn	14.500	21.016	3. Doanh thu:	Tr.đ	1.420.300	1.894.197	4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	33.000	81.039	5. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	26.400	64.569
Chỉ tiêu	Đvt	TH quý 4 năm 2017	TH quý 4 năm 2016																																																																																																
Sản lượng sản xuất:																																																																																																			
- Phôi thép	Tấn	51.742	38.891																																																																																																
- Thép cán	Tấn	37.896	33.007																																																																																																
Oxy																																																																																																			
- Thổi lò	M3	1.137.225	602.652																																																																																																
- Nạp chai	Chai	54.112	6 .092																																																																																																
Sản lượng tiêu thụ																																																																																																			
- Phôi thép bán ngoài	Tấn	11.815	4.251																																																																																																
- Thép cán	Tấn	0.175	32.655																																																																																																
Oxy																																																																																																			
- Thổi lò	M3	1.137.225	602.652																																																																																																
- Nạp chai	Chai	54.112	60.0 2																																																																																																
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	28.453	5.990																																																																																																
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017																																																																																																
1. Sản xuất:																																																																																																			
a. Phôi thép:	Tấn	160.000	171.548																																																																																																
b. Thép cán:	Tấn	140.000	146.148																																																																																																
2. Tiêu thụ sản phẩm:																																																																																																			
a. Tiêu thụ thép cán	Tấn	140.000	144.649																																																																																																
b. Tiêu thụ phôi thép	Tấn	14.500	21.016																																																																																																
3. Doanh thu:	Tr.đ	1.420.300	1.894.197																																																																																																
4. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	33.000	81.039																																																																																																
5. Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	26.400	64.569																																																																																																

6. Cổ tức	%	4	25
1. Sản xuất:			
c. Phôi thép:	Tấn	160.000	171.548
d. Thép cán:	Tấn	140.000	146.148

Điều 2: Kế hoạch SXKD Quý 1/2018 và năm 2018

2.1 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2018 và quý 1/2018:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch Q1/2018
1	Sản xuất			
	- Phôi thép	Tấn	180.000	45.000
	- Thép cán	Tấn	150.000	40.000
2	Chất lượng sản phẩm			
	- Phôi thép loại 1	%	> 99,0	
	- Cán thép loại 1	%	>98,5	
3	Tiêu thụ sản phẩm chính			
	- Phôi thép	Tấn	25.000	
	- Thép cán	Tấn	150.000	40.000
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	50.000	15.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	40.000	
6	Cổ tức	%	15%	

2.2 Năm 2018 ngành thép được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng, riêng cho lĩnh vực thép dài tăng trưởng dự kiến trên 11%. Giá nguyên vật liệu đầu vào sẽ có xu hướng tăng, trong đó có sắt thép vụn, điện cực.

Giá thành phẩm dự báo tăng theo, nhưng không nhiều và sẽ làm cho biên lợi nhuận giảm tương đối so với năm 2017

Do vậy cần tiếp tục đầu mạnh tiết giảm chi phí sản xuất, giảm các tiêu hao chính như thép phế, điện, điện cực, đẩy mạnh sản xuất, tăng sản lượng cả thành phẩm và phôi thép.

2.3 Dịp Tết Nguyên Đán rơi vào tháng 2/2018 là kỳ nghỉ dài ngày, tiêu thụ tháng 2 giảm. Sau Tết cùng với giá thành phẩm tăng, tiêu thụ tốt nên khả năng sản lượng tiêu thụ cả quý vẫn sẽ đạt kế hoạch đề ra.

2.4 Do giá nguyên vật liệu, thành phẩm có xu hướng tăng nhưng sẽ không có biến động lớn. Để chủ động tăng sản lượng, cần điều tiết quay vòng nhanh hàng tồn kho thành phẩm, đồng thời tăng tồn kho sắt thép vụn, điều này cũng cho phép giảm tiêu hao.

			<p>2.5 Tăng cường công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, sửa chữa lớn đảm bảo thiết bị hoạt động ổn định. Ngăn ngừa các hư hỏng đột xuất nhất là các thiết bị chính, tránh ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch năm.</p> <p>2.6 Về việc truy thu tiền thuê đất của Công ty Sonadezi: HĐQT nhất trí trả tiền thuê đất theo đơn giá điều chỉnh của Sonadezi cho giai đoạn 01/01/2017 đến 31/12/2020, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Diện tích đất: 197.436 m². + Tiền thuê đất là: 7.858 đồng/m²/năm (Giá cũ là 800 đồng/m²/năm). + Phí sử dụng hạ tầng là: 9.100 đồng/m²/năm (Giá cũ là 0,4 USD/m²/năm). <p>2.7 Về hạn mức công nợ trong mua bán Phôi thép và Thép cán với các đơn vị, HĐQT đã thảo luận và nhất trí như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL: Hạn mức công nợ là 145 tỷ đồng. + Công ty CP Thép Nhà Bè – VNSTEEL: Hạn mức công nợ là 60 tỷ đồng. + Công ty Thép Tây Đô: Hạn mức công nợ là 60 tỷ đồng. <p>2.8 Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện an toàn lao động, VSCN và môi trường.</p> <p>2.9 Sắp xếp lại lao động phù hợp điều kiện công nghệ thực tế. Cập nhật quy hoạch phát triển cán bộ quản lý.</p> <p>2.10 Chuẩn bị tốt các nội dung tiến hành ĐHĐCĐ 2018, dự kiến vào ngày 28/3/2018.</p>																																
02	16/NQ-ĐHĐCĐ-VCA	28/03/2018	<p>Nghị quyết: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018</p> <p>Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết công tác sản xuất kinh doanh năm 2017 và nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.</p> <p><i>- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:</i></p> <table border="1" data-bbox="579 1518 1409 2067"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch</th> <th>Thực hiện</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thép Luyện</td> <td>tấn</td> <td>160.000</td> <td>171.548</td> </tr> <tr> <td>Thép Cán</td> <td>tấn</td> <td>140.000</td> <td>146.148</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu thuần</td> <td>Tỷ đồng</td> <td>1.420.300</td> <td>1.894.197</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ Thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>140.000</td> <td>144.649</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ Phôi thép</td> <td>Tấn</td> <td>14.500</td> <td>21.016</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tỷ đồng</td> <td>33.000</td> <td>81.039</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận sau thuế</td> <td>Tỷ đồng</td> <td>26.400</td> <td>64.569</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Thép Luyện	tấn	160.000	171.548	Thép Cán	tấn	140.000	146.148	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.420.300	1.894.197	Tiêu thụ Thép cán	Tấn	140.000	144.649	Tiêu thụ Phôi thép	Tấn	14.500	21.016	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33.000	81.039	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26.400	64.569
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện																																
Thép Luyện	tấn	160.000	171.548																																
Thép Cán	tấn	140.000	146.148																																
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.420.300	1.894.197																																
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	140.000	144.649																																
Tiêu thụ Phôi thép	Tấn	14.500	21.016																																
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	33.000	81.039																																
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	26.400	64.569																																

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Stt	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018
1	Sản xuất	
	- Phôi thép	180.000
	- Thép cán	150.000
2	Chất lượng sản phẩm	
	- Phôi thép loại 1	>99,0
	- Cán thép loại 1	>98,5
3	Tiêu thụ sản phẩm chính	
	- Phôi thép	25.000
	- Thép cán	150.000
4	Doanh thu	1.420.300
5	Lợi nhuận trước thuế	50.000
6	Lợi nhuận sau thuế	40.000
7	Cổ tức	20%

- Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018

DVT: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư
I	Dự án chuyển tiếp năm 2017	<u>2,35</u>
1	Đầu tư bộ làm mát hệ thống xử lý khí thải	2,35
II	Dự án đầu tư mới	<u>40,00</u>
1	Đầu tư cán thô hàng dọc	40,00
III	Đầu tư mua sắm TSCĐ	<u>8,90</u>
1	Động cơ DC 375 KW	0,70
2	Hệ thống DCS các thiết bị cán Simac	1,50
3	Hệ thống phần mềm quản lý ROSY	1,00
4	Hệ thống trung tâm thu thập dữ liệu, giám sát và điều khiển từ xa (SCADA) 110KV	2,20
5	Giá cán block mill	2,00
6	Động cơ 700HP trạm oxy 800m ³ /h	1,50

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2013-2018

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập năm 2017.

Điều 5. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017.

Điều 6. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017.

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận năm 2016 chuyển qua năm 2017	15.687.513.796
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	64.568.875.273
3	Chia cổ tức: 30% vốn điều lệ	45.561.966.000
4	Trích lập quỹ Phúc lợi, Khen thưởng: 9,23% lợi nhuận	5.956.887.000
5	Thưởng HĐQT, BKS, BDH, TKHĐQT: 0,77% lợi nhuận	500.000.000
6	Lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối chuyển qua năm 2018	28.237.536.069

Đối với lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối: Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét, quyết định phân phối lợi nhuận tại thời điểm thích hợp.

Điều 7. Thông qua Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2018	50.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018 (Thuế TNDN 20%)	40.000.000.000
3	Lợi nhuận năm 2017 chuyển qua năm 2018	28.237.536.069
4	Chia cổ tức: 20% vốn điều lệ	30.374.644.000
5	Trích lập quỹ Phúc lợi, Khen thưởng: 10% lợi nhuận	4.000.000.000
6	Thưởng HĐQT, BKS, BDH, TKHĐQT	500.000.000

7	Lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối	33.362.892.069
---	---	----------------

Điều 8. Thông qua tiền lương và mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Thư ký HĐQT năm 2018 như sau:

- Tiền lương Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

+ Chủ tịch HĐQT: 41,00 triệu đồng/người/tháng.

+ Tổng Giám đốc: 40,00 triệu đồng/người/tháng

+ Ủy viên HĐQT: 29,00 triệu đồng/người/tháng

+ Phó Tổng Giám đốc: 34,00 triệu đồng/người/tháng

+ Trưởng Ban kiểm soát: 29,00 triệu đồng/người/tháng

+ Kế toán trưởng: 29,00 triệu đồng/người/tháng

- Thù lao của thành viên không chuyên trách HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT:

+ Ủy viên HĐQT: 4,00 triệu đồng/người/tháng

+ Kiểm soát viên, thư ký HĐQT: 3,00 triệu đồng/người/tháng

Đối với người quản lý tham gia Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát làm việc trực tiếp được Công ty trả lương hàng tháng theo chức danh quản lý chuyên trách, không hưởng thù lao hàng tháng chức danh kiêm nhiệm.

Trường hợp Kiểm soát viên, thư ký HĐQT kiêm nhiệm hưởng lương chuyên môn nghiệp vụ, được hưởng thù lao theo quy định.

Điều 9. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018.

Điều 10. Thông qua tờ trình về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Điều 11. Thông qua tờ trình ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

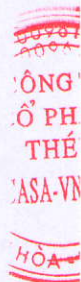
Điều 12. Thông qua tờ trình Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp để Niêm yết cổ phần Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE.

Điều 13. Thông qua Tờ trình danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

Điều 14. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 như sau:

Hội đồng quản trị:

Stt	Họ Tên ứng viên	Vị trí ứng cử	Tỷ lệ phiếu bầu
-----	-----------------	---------------	-----------------



1	Ông Lê Văn Cam	Thành viên HĐQT	104,67% số CPBQ dự họp
2	Ông Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên HĐQT	99,46% số CPBQ dự họp
3	Ông Võ Hựu	Thành viên HĐQT	98,33% số CPBQ dự họp
4	Ông Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT	98,31% số CPBQ dự họp
5	Ông Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	97,75% số CPBQ dự họp

Ban kiểm soát:

Stt	Họ Tên ứng viên	Vị trí ứng/ đề cử	Tỷ lệ phiếu bầu
1	Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên BKS	100,21% số CPBQ dự họp
2	Ông Lê Trọng Dung	Thành viên BKS	99,75% số CPBQ dự họp
3	Ông Hồ Duy Khải	Thành viên BKS	99,15% số CPBQ dự họp

Điều 15. Các thành Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 tiến hành phiên họp lần thứ nhất và báo cáo kết quả phiên họp, cụ thể:

Bầu ông Lê Văn Cam - Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Tiến-TVHĐQT, Tổng giám đốc

Điều 16. Các thành Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 tiến hành phiên họp lần thứ nhất và báo cáo kết quả phiên họp, cụ thể:

Bầu Ông Nguyễn Phước Hải - Trưởng Ban kiểm soát

Điều 17. Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 18. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

03	25/NQ- HĐQT- VCA	19/04/2018	<p>Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 2/2018</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí với các đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD quý 2/2017; Báo cáo tài chính quý 2/2017 của Tổng Giám đốc Công ty; Báo cáo của Ban kiểm soát quý 2/2017. Các chỉ tiêu chính đạt được như sau:</p>
----	------------------------	------------	--



Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch Quý I/2018	Thực hiện Quý I/2018
SX Phôi thép	Tấn	180.000	45.000	49.257
SX Thép cán	Tấn	150.000	40.000	37.974
Tiêu thụ Phôi thép	Tấn	25.000		10.670
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	150.000	40.000	39.006
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	50.000	15.000	21.108

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quý I/2018 có cải thiện đáng kể, giảm khá so với cùng kỳ và duy trì ổn định các tháng trong quý, đặc biệt là tiêu hao thép vụn, than điện cực, điện năng, tiêu hao kim loại cán thép. Quản trị sản xuất tốt là yếu tố chính để đạt được lợi nhuận tốt trong quý I/2018.

Điều 2: Kế hoạch SXKD Quý II/2018:

2.1 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD Quý II/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch quý II/2018
Sản xuất Phôi thép	Tấn	180.000	45.000
Sản xuất Thép cán	Tấn	150.000	38.000
Tiêu thụ thép cán	Tấn	150.000	38.000
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	50.000	10.000

2.2 Giá nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất còn đứng ở mức cao do đó cần tiếp tục tăng cường quản trị sản xuất, tiết kiệm vật tư nguyên liệu. Ổn định chất lượng các mặt hàng thép dây hàn, kéo dây để tăng tiêu thụ bù đắp sản lượng tiêu thụ thép xây dựng sụt giảm trong quý đồng thời tranh thủ tiêu thụ phôi thép khi cần thiết.

2.3 Tình hình tiêu thụ quý 2 dự báo sụt giảm hơn so quý 1 do giá quặng, thép phế thế giới giảm từ cuối tháng 3/2018. Cần cân đối hàng tồn kho sắt thép vụn, thành phẩm hợp lý, đảm bảo dòng tiền.

			<p>2.4 Tăng cường bảo dưỡng, duy tu thiết bị sản xuất. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường nhất là hệ thống hút lọc bụi luyện thép.</p> <p>2.5 Cập nhật quy hoạch phát triển cán bộ giai đoạn 2018-2023.</p> <p>2.6 Ban hành Quy chế Tài chính Công ty (sửa đổi).</p>																																	
4	30/NQ-HĐQT-VCA	18/07/2018	<p>Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 3/2018</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí với các đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, Báo cáo tài chính, Báo cáo của Ban kiểm soát Quý II/2018. Các chỉ tiêu chính đạt được của Quý II/ 2018 như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2018</th> <th>Kế hoạch Quý II/2018</th> <th>Thực hiện Quý II/2018</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Luyện thép</td> <td>tấn</td> <td>180.000</td> <td>45.000</td> <td>52.678</td> </tr> <tr> <td>Cán thép</td> <td>tấn</td> <td>150.000</td> <td>38.000</td> <td>45.660</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ thành phẩm</td> <td>tấn</td> <td>150.000</td> <td>38.000</td> <td>46.084</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tr.đ</td> <td>50.000</td> <td>10.000</td> <td>8.575</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Các chỉ tiêu sản lượng phôi thép, thép cán, tiêu thụ đều vượt cao so với kế hoạch đề ra và so với cùng kỳ cũng đều vượt khá cao, lần lượt là 36,2%; 28,65% và 41,48%. Tuy nhiên lợi nhuận không đạt kế hoạch đã giao.</p> <p><i>Nguyên nhân không đạt lợi nhuận:</i></p> <p>- Sắt thép vụn- nguyên vật liệu chính cho sản xuất tăng cao trong khi giá bán tăng chậm. Biên lợi nhuận gộp giảm sút mạnh, từ 4,96% cùng kỳ xuống còn 3,15%. Mặc dù doanh thu tăng mạnh (82,13%) so với cùng kỳ nhưng lợi nhuận chỉ tăng 6,92%.</p> <p>- Các chỉ tiêu hao chính trong sản xuất giảm khá so với cùng kỳ như sắt thép vụn, điện cực, tiêu hao kim loại, điện sản xuất cán thép; tuy nhiên tỷ trọng không lớn trong cơ cấu phần giảm giá thành.</p> <p>Điều 2: Kế hoạch SXKD Quý III/2018:</p> <p>2.1 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD quý III/2018 như sau:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2018</th> <th>Kế hoạch quý III/2018</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch Quý II/2018	Thực hiện Quý II/2018	Luyện thép	tấn	180.000	45.000	52.678	Cán thép	tấn	150.000	38.000	45.660	Tiêu thụ thành phẩm	tấn	150.000	38.000	46.084	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	50.000	10.000	8.575	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch quý III/2018				
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch Quý II/2018	Thực hiện Quý II/2018																																
Luyện thép	tấn	180.000	45.000	52.678																																
Cán thép	tấn	150.000	38.000	45.660																																
Tiêu thụ thành phẩm	tấn	150.000	38.000	46.084																																
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	50.000	10.000	8.575																																
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch quý III/2018																																	

Luyện thép	Tấn	180.000	45.000
Cán thép	Tấn	150.000	38.000
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	150.000	38.000
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	50.000	8.000

2.2 Giá nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất còn đứng ở mức cao, khó giảm. Thu mua sắt thép vụn còn gặp nhiều khó khăn do nhu cầu tăng mạnh, sắt thép vụn nhập khẩu cũng gặp khó do chính sách, thủ tục quản lý phế liệu nhập khẩu; một số vật tư sản xuất như than điện cực đứng ở mức cao. Đây là những khó khăn cho việc hoàn thành các chỉ tiêu của ĐHĐCĐ, vì vậy yêu cầu Ban điều hành bám sát tình hình thị trường cân đối tồn kho, thu mua nguyên vật liệu đầu vào hợp lý từng thời điểm, tiếp tục quản trị tiết giảm chi phí tài chính, quản lý, sản xuất chung; phấn đấu hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu Nghị quyết.

2.3 Cung tiếp tục vượt cầu làm cho cạnh tranh càng gay gắt, tình hình tiêu thụ khó khăn hơn; biên lợi nhuận quý 3 dự báo sẽ tiếp tục suy giảm. Cần tiếp tục các giải pháp quản trị sản xuất, tiết giảm mạnh mẽ các vật tư, nguyên vật liệu chính, năng lượng trong sản xuất song song đẩy mạnh tiêu thụ.

2.4 Trong tình hình thiết bị hoạt động hết công suất cần quan tâm cao nhất công tác bảo dưỡng, duy tu thiết bị sản xuất đồng thời triển khai dự án cán thô hàng dọc đúng tiến độ đề ra.

2.5 Chủ động lập phương án và báo cáo trong kỳ họp HĐQT Quý IV về Đề án di dời kết hợp đầu tư phát triển dài hạn Công ty trong tổng thể đề án “ Khắc phục ô nhiễm môi trường và chuyển đổi công năng KCN Biên hòa 1” của Tỉnh Đồng Nai, Đề án tái cấu trúc Tổng Công ty Thép Việt nam, Kế hoạch cơ cấu lại các ngành công nghiệp của Chính phủ giai đoạn 2018-2020, có xét đến năm 2025.

05

38/NQ-
HĐQT-
VCA

24/10/2018

Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 4/2018

Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí với các đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, Báo cáo tài chính, Báo cáo của Ban kiểm soát Quý III/2018. Các chỉ tiêu chính đạt được của Quý III/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch Q.III/2018	Thực hiện Q.III/2018
Luyện thép	Tấn	180.000	45.000	56.472

Cán thép	Tấn	150.000	38.000	49.382
Tiêu thụ thành phẩm	Tấn	150.000	38.000	44.544
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	50.000	8.000	6.088

- Cũng như diễn biến quý II/2018, do tình hình thị trường tiêu thụ tiếp tục tốt nên các chỉ tiêu sản lượng phôi thép, thép cán, tiêu thụ đều vượt cao so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên lợi nhuận không đạt kế hoạch đề ra, chỉ đạt 76,1%. Chỉ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu (ROS) tiếp tục sụt giảm, chỉ đạt 0,75% (so với cùng kỳ 3,86% và Quý II/2018 là 1%).

- Các chỉ tiêu hao chính trong sản xuất giảm khá so với cùng kỳ như sắt thép vụn, điện cực, tiêu hao kim loại cán thép.

Điều 2: Kế hoạch SXKD Quý IV/2018:

2.1 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD quý IV/2018 như sau:

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch quý IV/2018
Luyện thép	Tấn	180.000	42.000
Cán thép	Tấn	150.000	42.000
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	150.000	42.000
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	50.000	14.300

2.2 Giá nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất còn đứng ở mức cao. Thu mua sắt thép vụn tiếp tục gặp khó khăn. Tuy nhiên với nhu cầu thị trường, yêu cầu Ban điều hành cân đối thận trọng tồn kho nguyên vật liệu, phôi thép và thành phẩm nhất là vào thời điểm cuối năm. Yêu cầu giảm nhanh tồn kho phôi thép ở mức tối đa để giảm áp lực vay nợ ngân hàng, cải thiện dòng tiền.

2.3 Thị trường tiêu thụ quý 4/2018 dự báo tiếp tục duy trì tốt và ở mức độ cạnh tranh cao; cần đảm bảo ổn định thiết bị sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường, giữ vững thị phần thép /V/.

2.4 Triển khai lắp đặt cụm cán thô hàng dọc đúng tiến độ, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật; tạo điều kiện để tiết giảm giá thành cho các năm sau.

2.5 Thực hiện tốt yêu cầu sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường; tăng cường công tác kiểm tra ATLĐ, VSCN.

- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính từng quý, 06 tháng và năm 2018 nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của số liệu tài chính.

e) Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Thu nhập, thù lao: Danh sách HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	Thù lao	Cộng
1	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT	820.586.000		820.586.000
2	Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	833.413.000		833.413.000
3	Võ Hựu	Thành viên HĐQT	543.535.000		543.535.000
4	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	645.326.000		645.326.000
5	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	0	48.000.000	48.000.000
6	Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám Đốc	668.489.000		668.489.000
7	Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban kiểm soát	551.337.000		551.337.000
8	Lê Trọng Dung	Thành viên ban kiểm soát	554.526.000	36.000.000	590.526.000
9	Hồ Duy Khải	Thành viên ban kiểm soát	443.264.000	36.000.000	479.264.000
10	Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng	598.345.000		598.345.000
	Tổng cộng		5.658.821.000	120.000.000	5.778.821.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018 Công ty không có giao dịch cổ phiếu của của cổ đông nội bộ (Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng).

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018 không có hợp đồng về giao dịch đối với cổ đông nội bộ.

VI. Báo cáo Tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế

toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Báo cáo kiểm toán năm 2018 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL được kiểm toán bởi “CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM” lập ngày 13 tháng 02 năm 2019.

Kiểm toán viên: **Nguyễn Anh Tuấn** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1472-2018-001-1) đã ký.

Phó Tổng Giám đốc: **Đặng Chí Dũng** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0030-2018-001-1) đã ký.

2. Báo cáo tài chính năm 2018:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018:

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		526.510.636.998	336.065.794.213
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	8.869.593.419	58.894.357.452
1. Tiền	111		8.869.593.419	23.894.357.452
2. Các khoản tương đương tiền	112			35.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2		
III. Các khoản phải thu	130		140.677.457.213	139.003.004.109
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	129.501.388.329	136.501.280.536
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.14	10.383.611.057	2.726.640.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	877.457.827	1.200.257.361
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(85.000.000)	(1.425.173.788)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	359.058.788.627	137.420.270.540
1. Hàng tồn kho	141		359.644.715.669	137.420.270.540
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(585.927.042)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		17.904.797.739	748.162.112
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	3.960.736.061	748.162.112
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.17	13.944.061.678	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		84.495.742.450	89.358.711.260
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		73.361.779.569	85.985.498.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	73.361.779.569	85.985.498.631
- Nguyên giá	222		391.412.480.267	381.913.354.902
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(318.050.700.698)	(295.927.856.271)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.358.487.540	

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	4.358.487.540	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.775.475.341	3.373.212.629
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	6.775.475.341	3.373.212.629
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		611.006.379.448	425.424.505.473

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		361.182.955.973	155.679.302.406
I. Nợ ngắn hạn	310		361.182.955.973	155.679.302.406
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	62.743.256.415	76.398.275.045
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	2.345.462.567	3.852.196.152
4. Phải trả người lao động	314		16.470.352.505	22.957.939.903
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	351.836.866	2.502.263.126
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	2.284.921.129	1.959.049.246
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	275.798.628.450	48.009.578.934
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.188.498.041	
II. Nợ dài hạn	330			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		249.823.423.475	269.745.203.067
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	249.823.423.475	269.745.203.067
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.873.220.000	151.873.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.441.721.380	20.441.721.380
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.999.169.000	14.999.169.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.509.313.095	82.431.092.687
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		30.412.239.687	15.687.513.796
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.097.073.408	66.743.578.891
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430= 300+400)	440		611.006.379.448	425.424.505.473
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		361.182.955.973	155.679.302.406

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	2.522.820.554.976	1.907.901.687.501
2	Các khoản giảm trừ doanh thu (02=04+05+06+07)	02	VII.2	10.662.580.727	13.705.185.508
2.1	- Chiết khấu thương mại	04		8.162.280.727	13.705.185.508

2.2	- Giảm giá hàng hoá	05		-	-
2.3	- Hàng bán bị trả lại	06		2.500.300.000	-
2.4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.512.157.974.249	1.894.196.501.993
4	Giá vốn hàng bán	11	VII.3	2.423.070.186.176	1.766.708.876.142
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89.087.788.073	127.487.625.851
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	1.234.357.459	1.255.043.500
7	Chi phí tài chính	22	VII.5	8.471.613.979	2.595.562.916
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.471.208.657	2.595.508.300
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9	Chi phí bán hàng	25	VII.8.b	21.313.685.450	18.471.654.298
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	19.605.868.066	26.290.437.225
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		40.930.978.037	81.385.014.912
12	Thu nhập khác	31	VII.6	768.900.973	3.022.488.971
13	Chi phí khác	32	VII.7	1.557.400.000	274.871.335
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(788.499.027)	2.747.617.636
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		40.142.479.010	84.132.632.548
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	51	VII.10	8.045.405.602	17.389.053.657
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		32.097.073.408	66.743.578.891
19	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.113	3.000

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần thép VICASA-VNSTEEL được lưu trên Website www.vicasasteel.com và địa chỉ www.thepbienhoa.com.vn

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL.

Mã chứng khoán: VCA.

Trân trọng.

Biên Hòa, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Thay mặt Ban điều hành Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Công Du